

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 21 tháng 8 năm 2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị A - sinh năm 1997.

ĐKHKTT: khu Gai Hạ, xã B, huyện P, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Bị đơn: Anh Thiệu Văn T - sinh năm 1991.

ĐKHKTT: khu Gai Hạ, xã B, huyện P, tỉnh P.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Thiệu Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/03/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tử Đà (nay là xã B), huyện P, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận. Sau đó một thời gian chị A đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và

bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị Trần Thị A xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Thiệu Quang V, sinh ngày 11/6/2016 và cháu Thiệu B, sinh ngày 23/10/2018. Chị A đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu V và cháu An cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con chung cho đến khi các con chung thành niên, đủ khả năng lao động tự túc.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Trần Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: chị Trần Thị A xin tự nguyện chịu toàn bộ.

**- Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2024 anh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị A đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/03/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tử Đà (nay là xã B), huyện Phù Ninh, tỉnh P. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Nay chị A khởi kiện xin ly hôn thì anh T có quan điểm nhất trí, anh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh và chị A được ly hôn.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Thiệu Quang V, sinh ngày 11/6/2016 và cháu Thiệu B, sinh ngày 23/10/2018. Hiện nay cả 02 cháu V và cháu An đang ở với anh T. Đối với yêu cầu khởi kiện về con chung của chị A thì anh T hoàn toàn nhất trí. Anh T đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu V và cháu An cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh và chị A ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Thiệu Văn T. Về con chung: giao cháu Thiệu Quang V, sinh ngày 11/6/2016 và cháu Thiệu B, sinh ngày 23/10/2018 cho

anh Thiều Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Trần Thị A tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn chị Trần Thị A nộp đơn xin ly hôn anh Thiều Văn T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Xét đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024 của chị A có chứng thực của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị A không có mặt ở Việt Nam và chị A đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị A và anh T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị A và anh Thiều Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tử Đà (nay là xã B), huyện Phù Ninh, tỉnh P vào ngày 25/03/2016. Trong quá trình chung sống giữa chị A và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tại bản tự khai anh T trình bày anh đồng ý ly hôn với chị A, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh T

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị A và anh T có 02 con chung là cháu Thiều Quang V, sinh ngày 11/6/2016 và cháu Thiều B, sinh ngày 23/10/2018. Chị A đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn. Anh T cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu về con chung của chị A.

Xét thấy, hiện nay chị A đang ở nước ngoài, cháu V và cháu An hiện đang ở cùng anh T, đang được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu V thể hiện mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn, cháu An hiện vẫn đang còn nhỏ. Anh T và chị A đều đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập của các con chung của anh T và chị A thì cần giao 02 cháu V và cháu An cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh T, chị A ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị A phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Thiệu Văn T.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Thiệu Quang V, sinh ngày 11/6/2016 và cháu Thiệu B, sinh ngày 23/10/2018 cho anh Thiệu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Trần Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thị A phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị A (do chị Lê Thị Thanh Hằng nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000203 ngày 01/7/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị A 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Thiệu Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị A là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã Bình Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Ngọc Tuấn**